

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 11 đến 20/4/2026)

1. Lưu vực sông Hồng

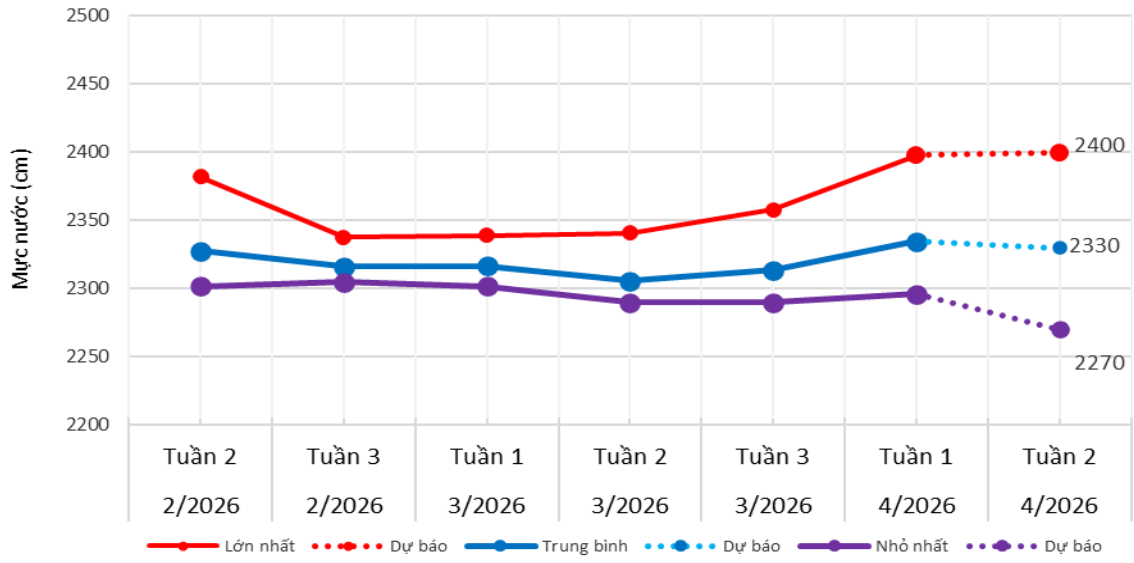
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong 10 ngày qua, trên sông Thao mực nước có dao động trong thời kỳ đầu, sau biến đổi chậm.
- Sông Lô: Trong 10 ngày qua, mực nước trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

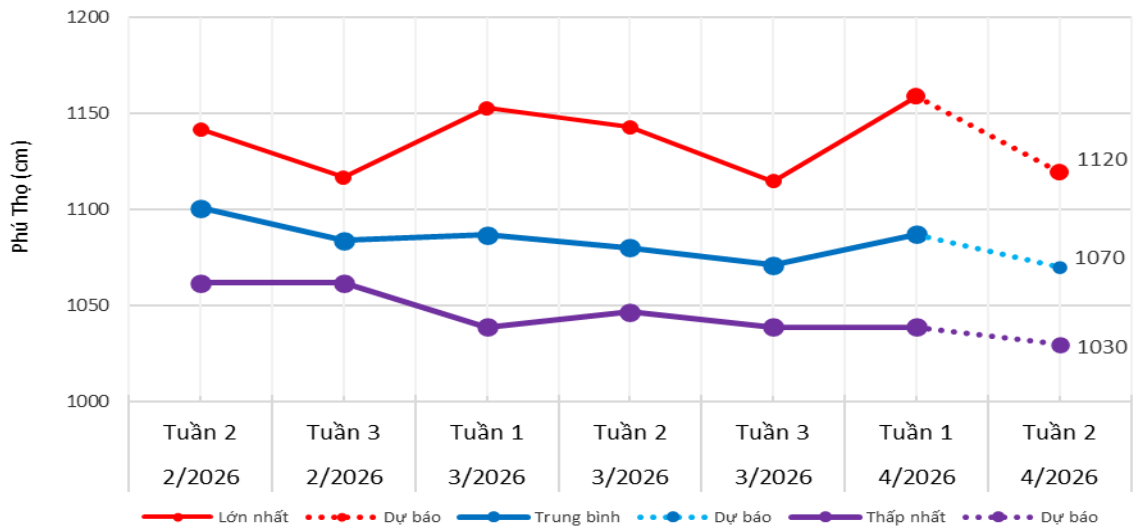
b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong 10 ngày tới, trên sông Thao mực nước có khả năng có dao động nhỏ.
- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.

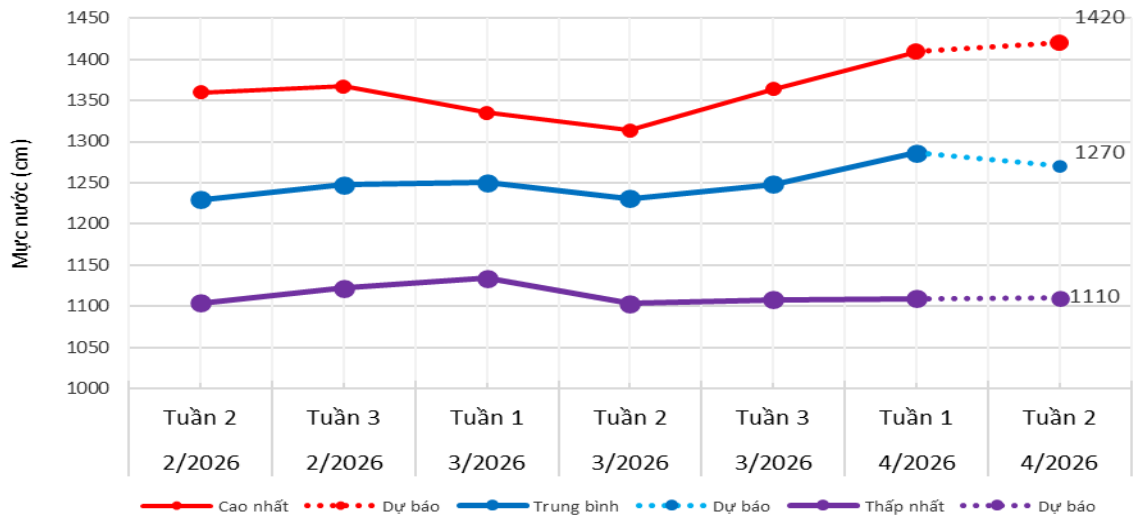
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)



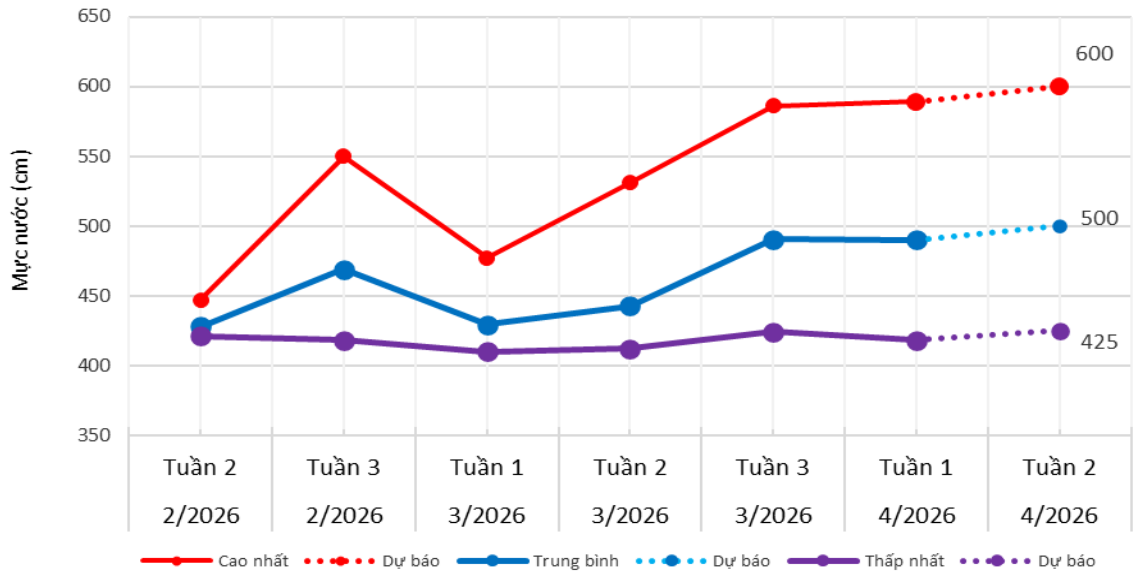
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)



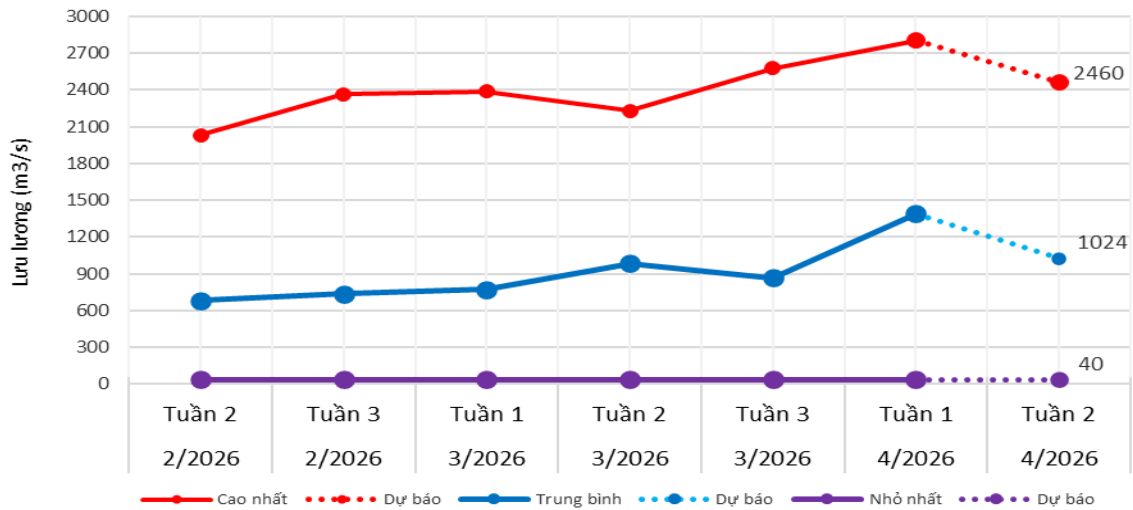
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)



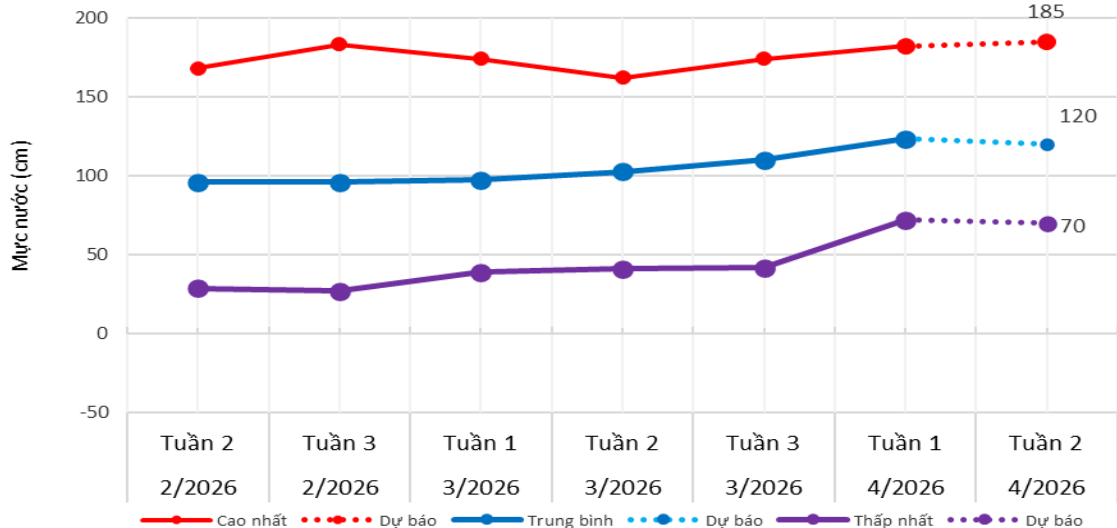
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỊ QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNG THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)



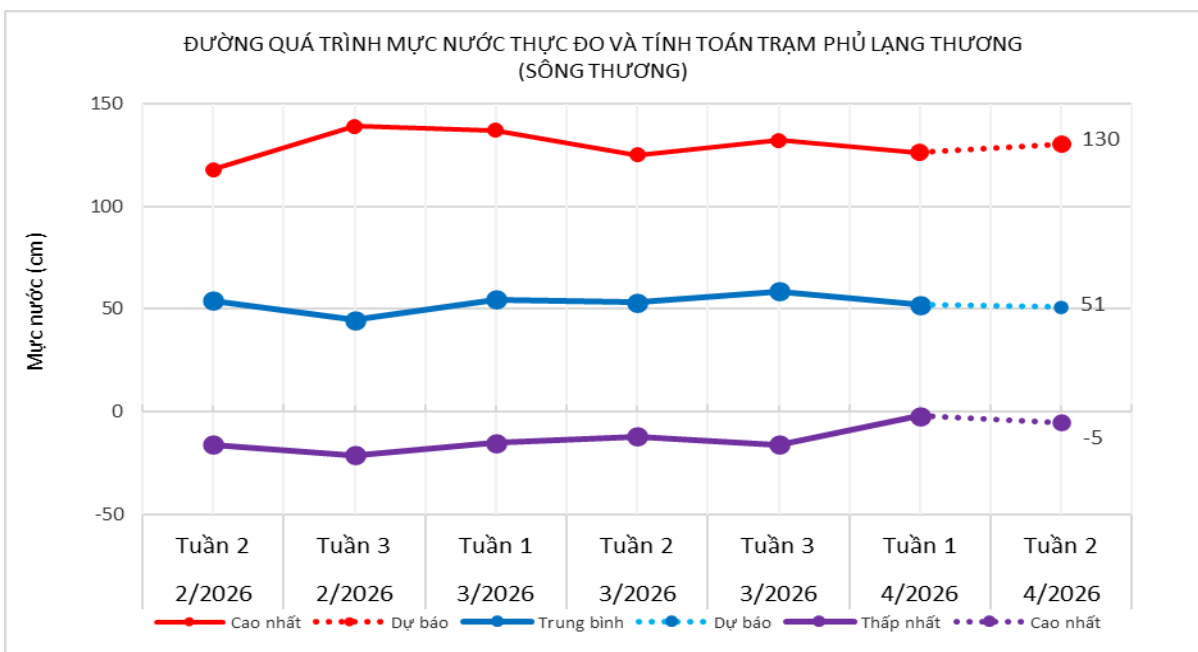
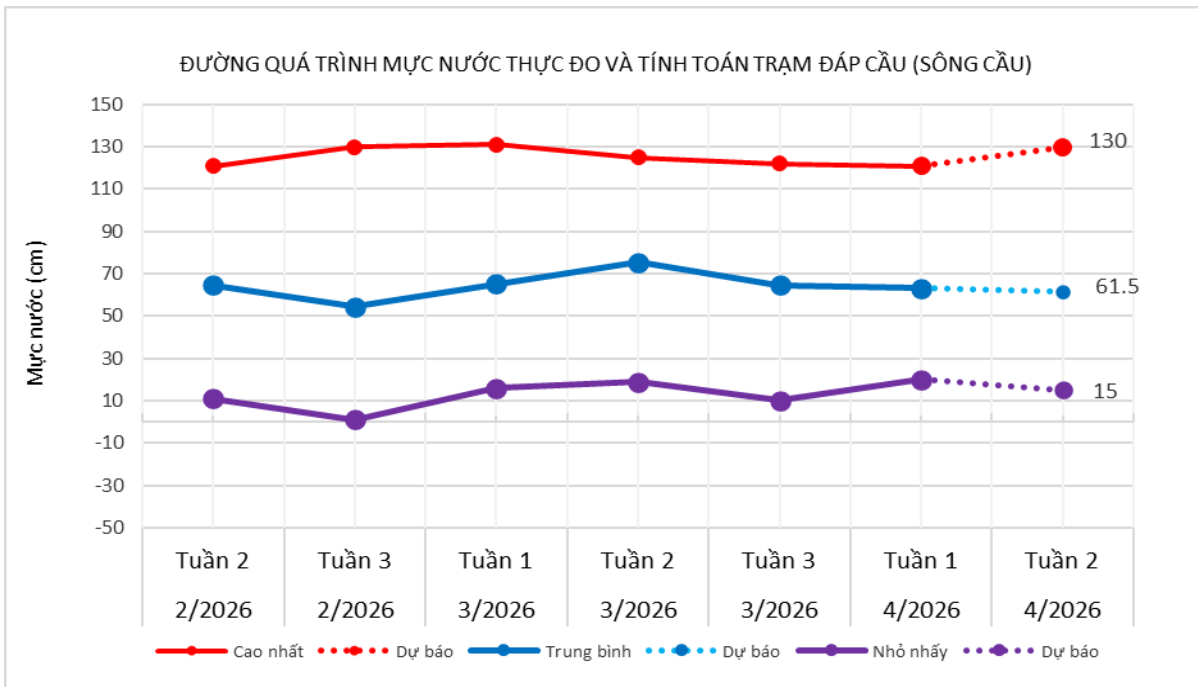
2. Lưu vực sông Thái Bình

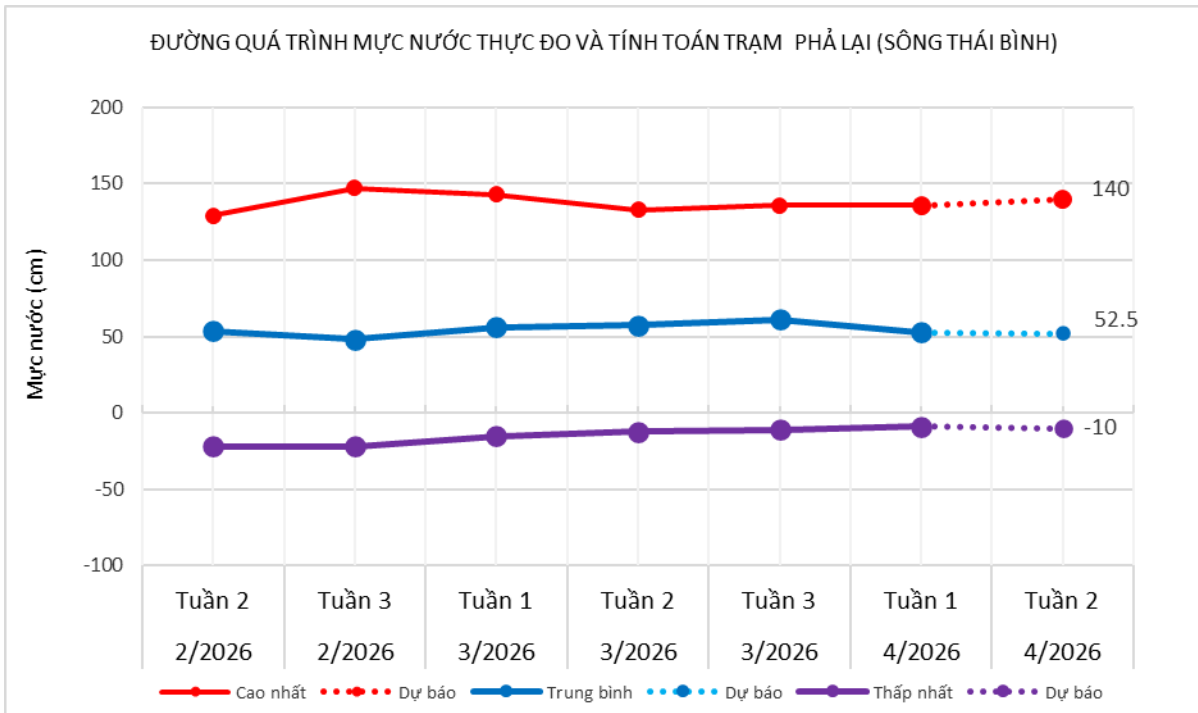
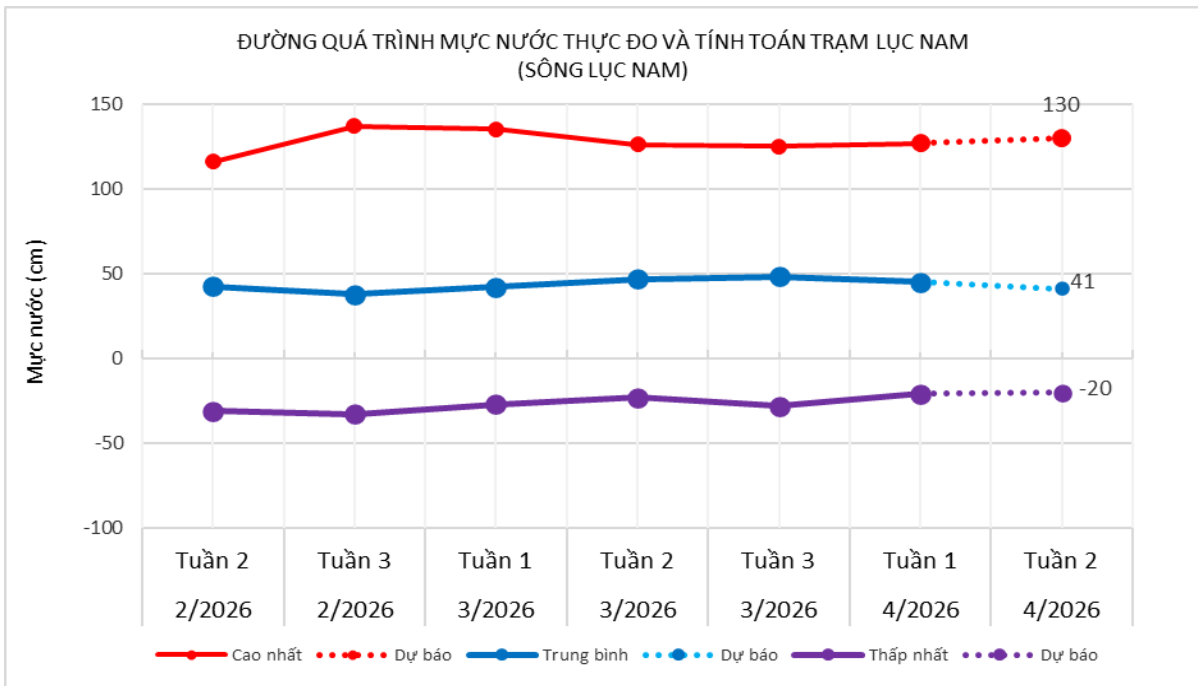
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trong 10 ngày qua, trên thượng lưu và trung lưu sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam, mực nước biến đổi chậm; ở hạ lưu các sông chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trong 10 ngày tới, mực nước ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại tiếp tục dao động chịu ảnh hưởng của thủy triều.





3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

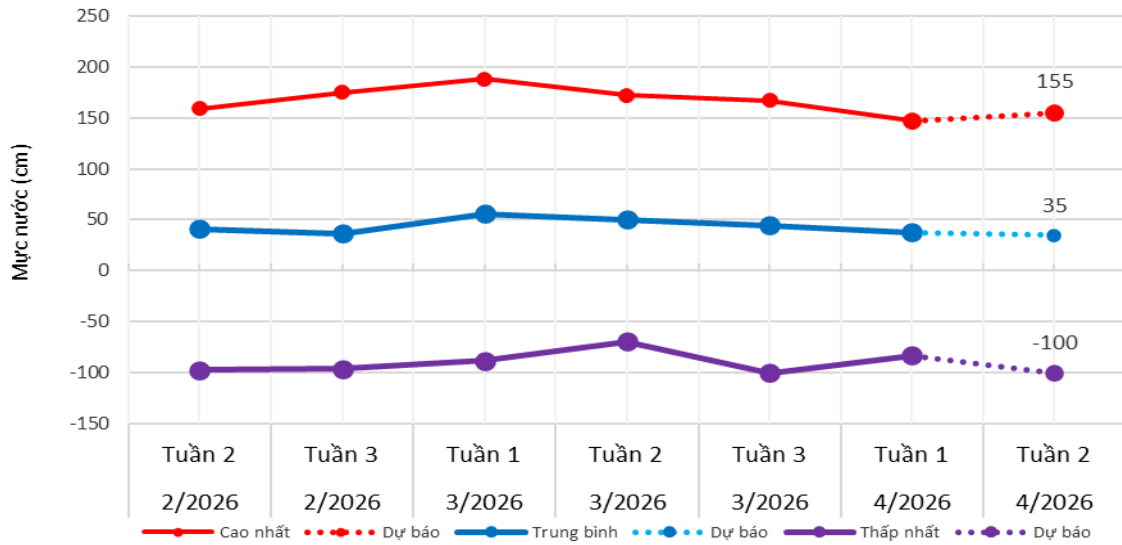
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa; hạ lưu biến đổi theo triều.
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

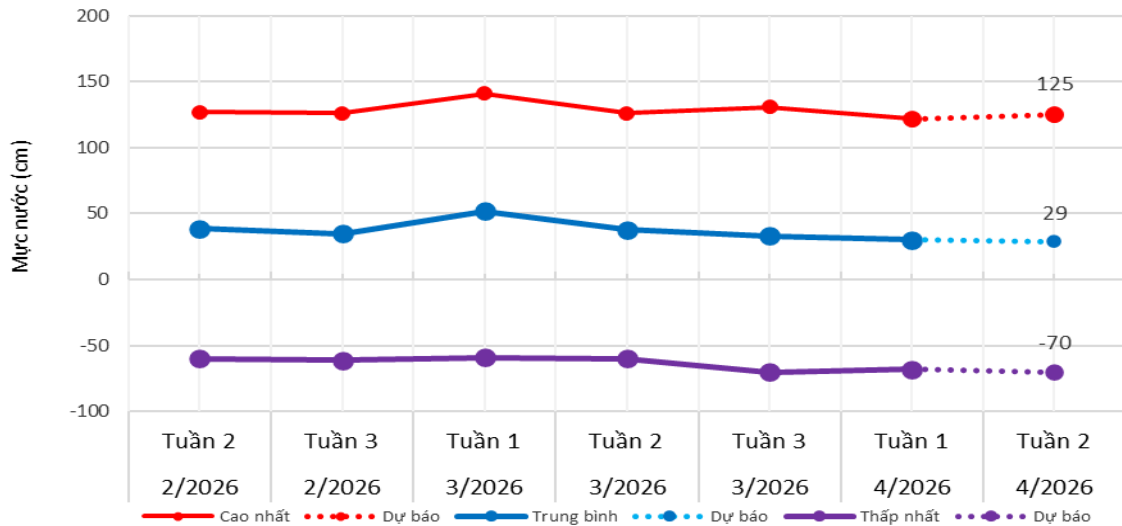
b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa; hạ lưu biến đổi theo triều.
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

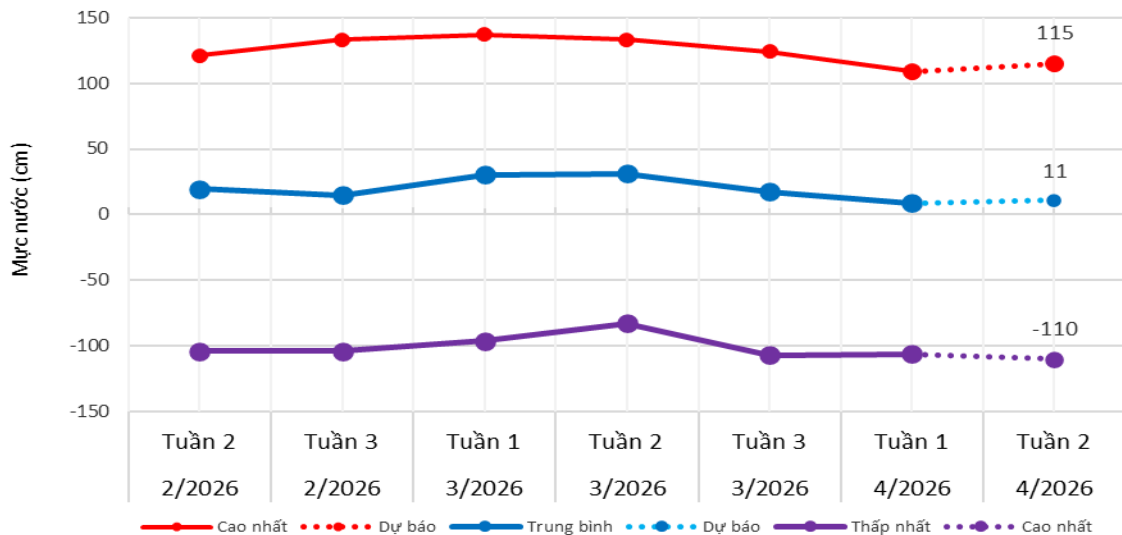
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIÀNG (SÔNG MÃ)

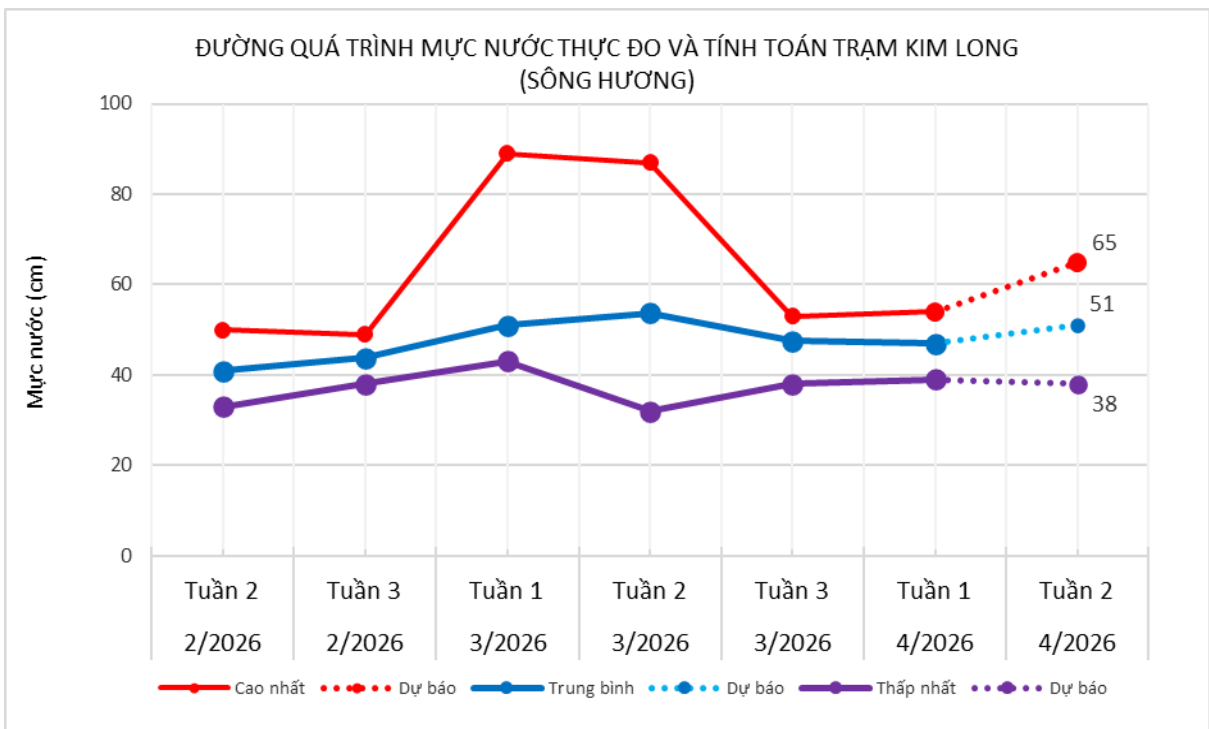
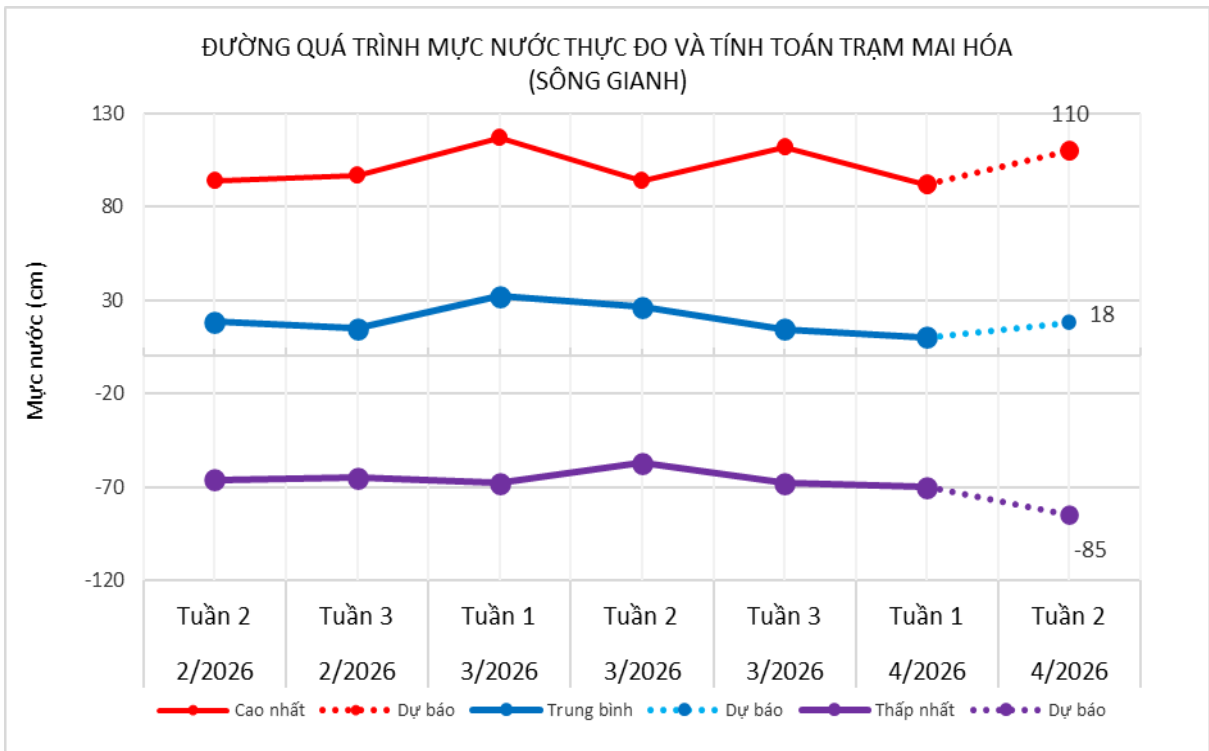


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM NAM ĐÀN (SÔNG CẢ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)





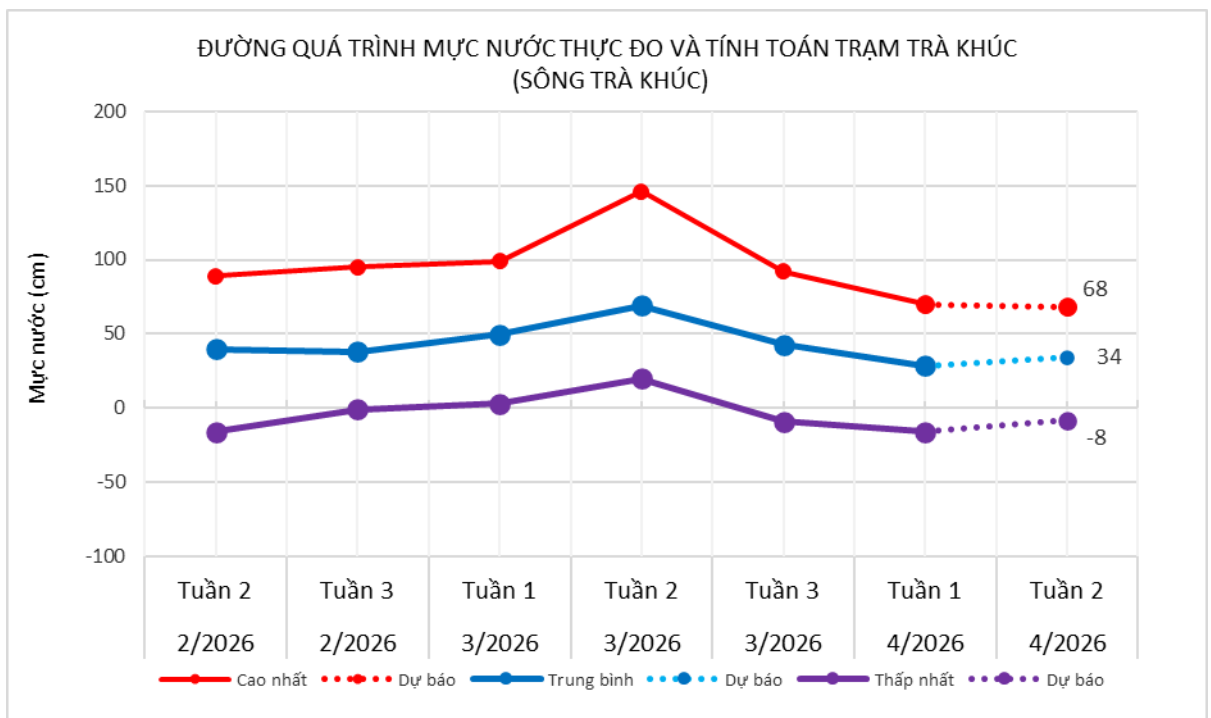
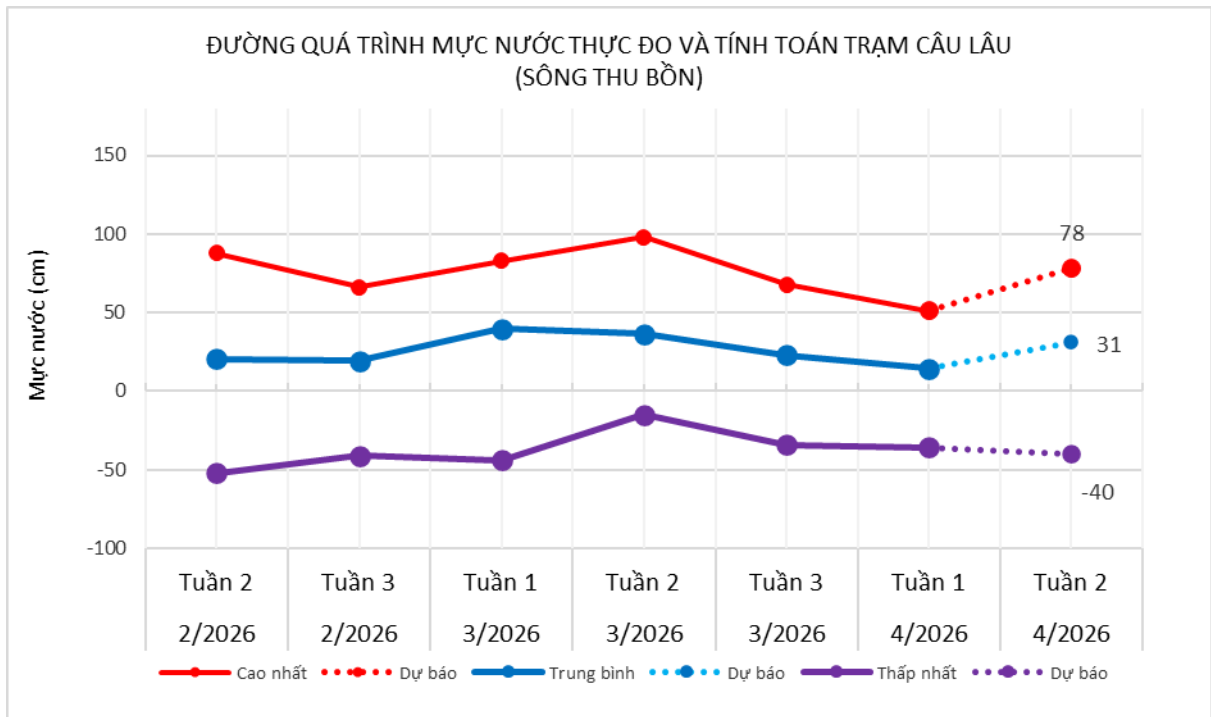
4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

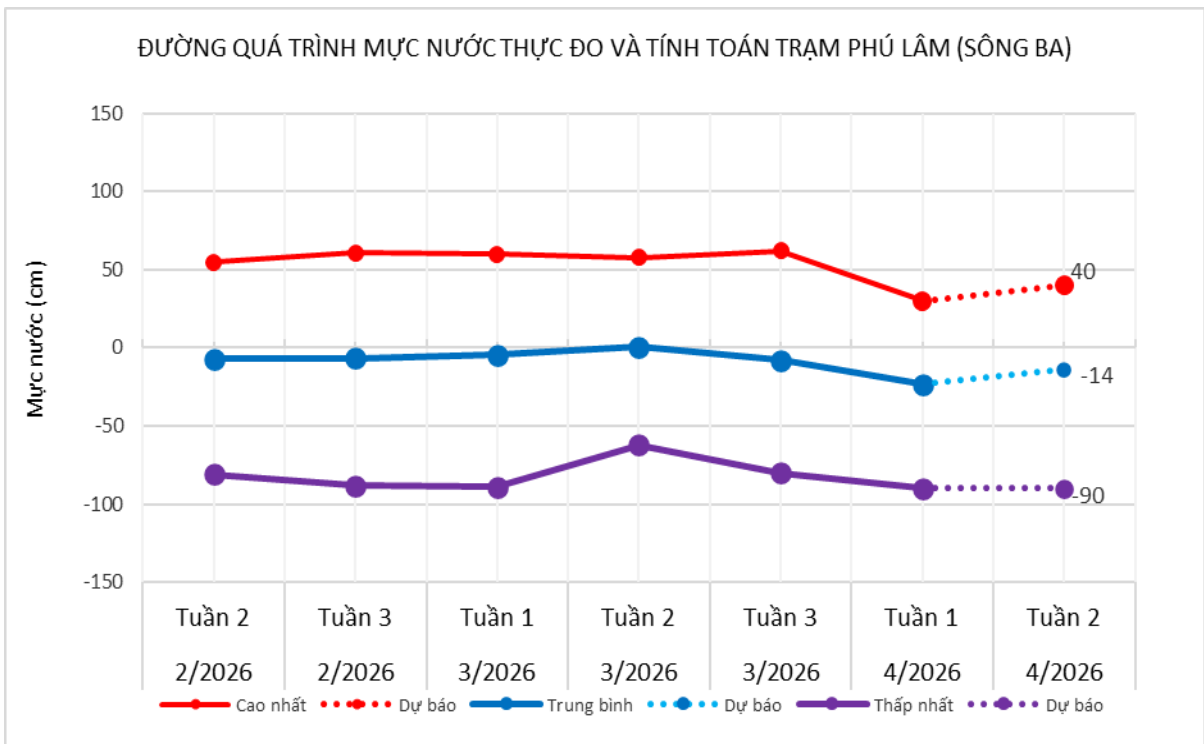
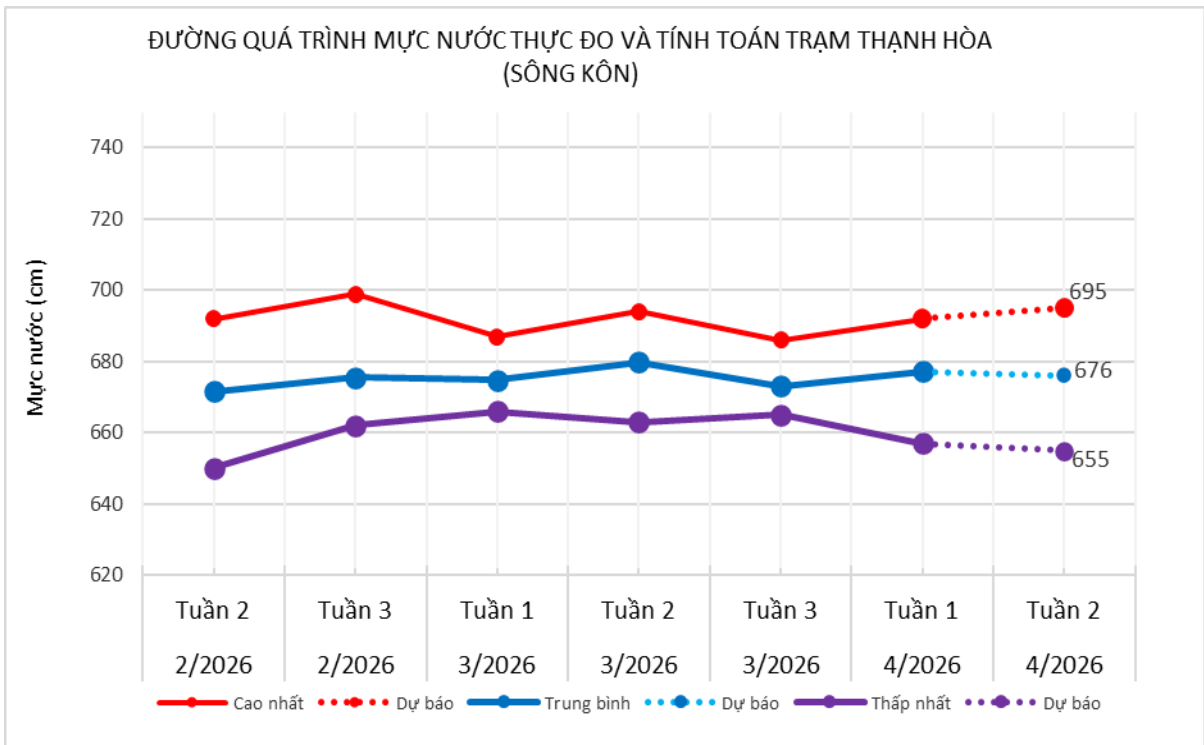
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trung, thượng lưu các sông biến đổi chậm, hạ lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa.
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mức nước trên các sông biến đổi chậm. Mức nước hạ lưu trên sông Côn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trung, thượng lưu các sông biến đổi chậm, hạ lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa.
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mức nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm. Mức nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.





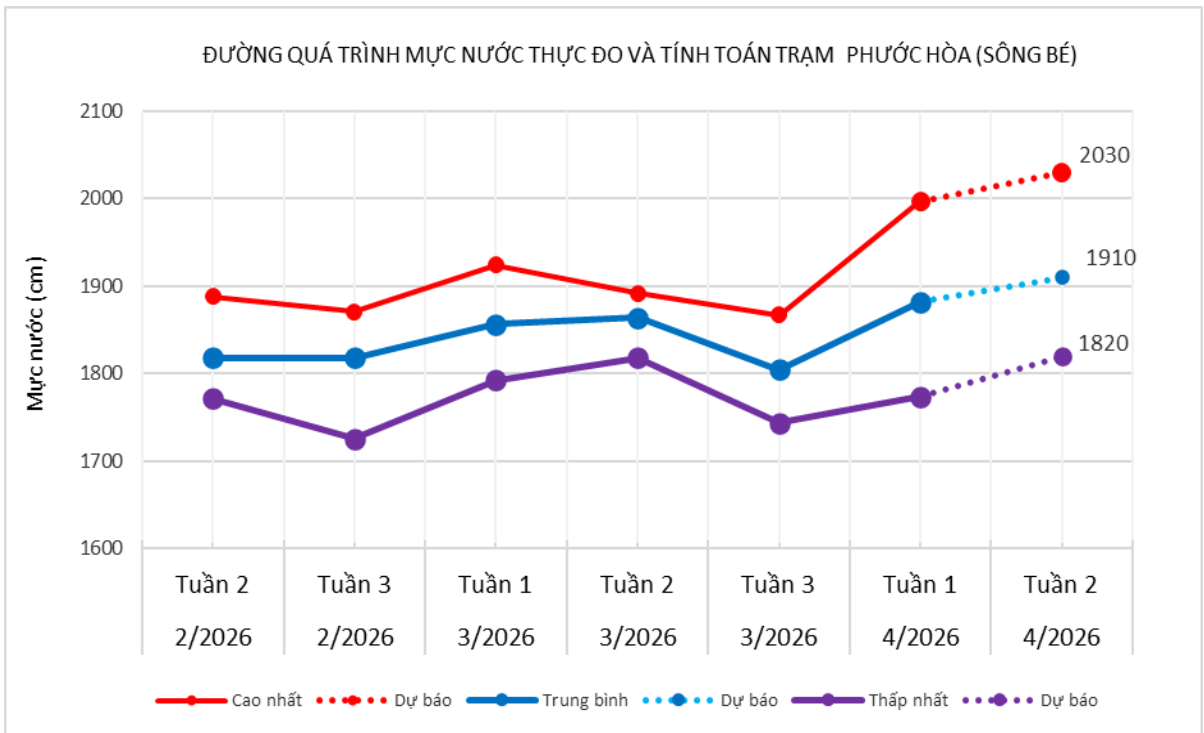
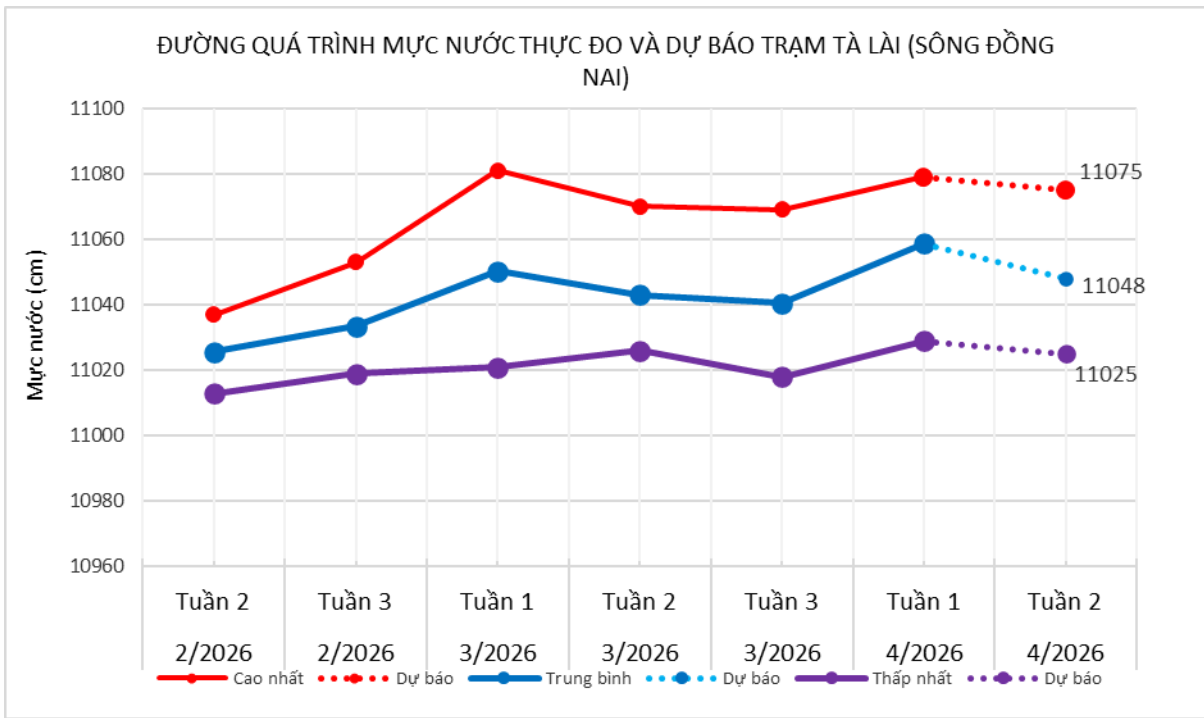
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai và trên sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai sẽ biến đổi chậm, sông Bé tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.



6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

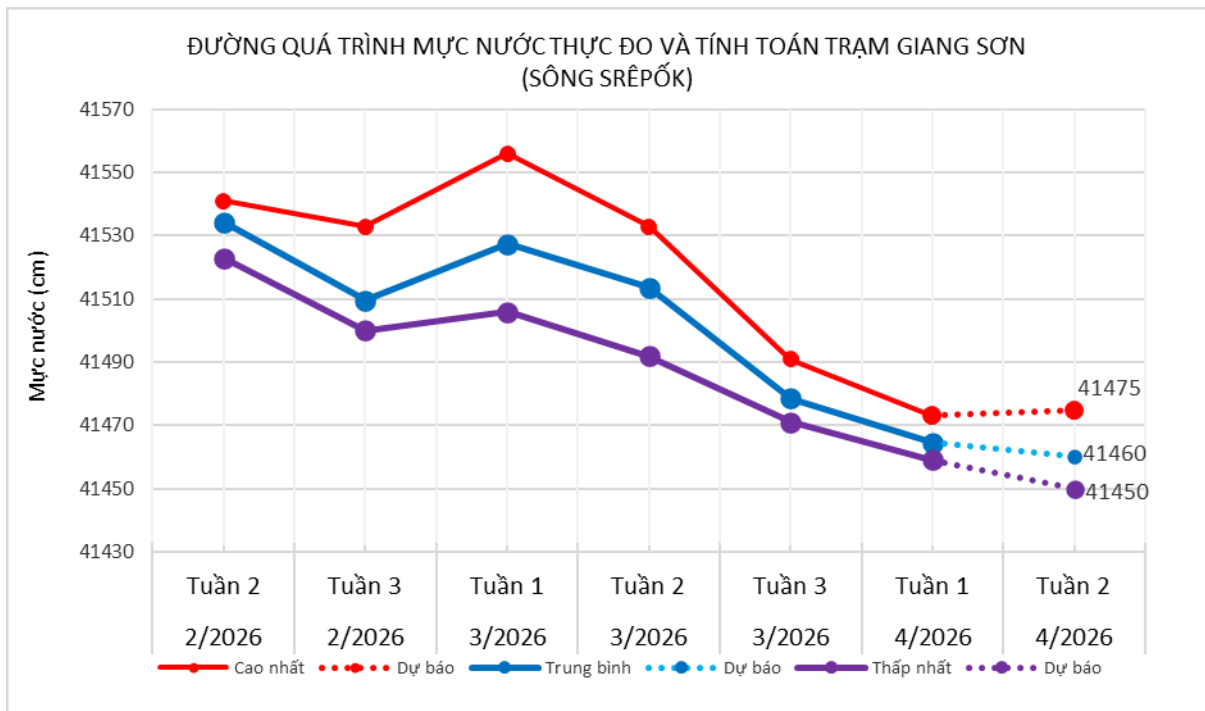
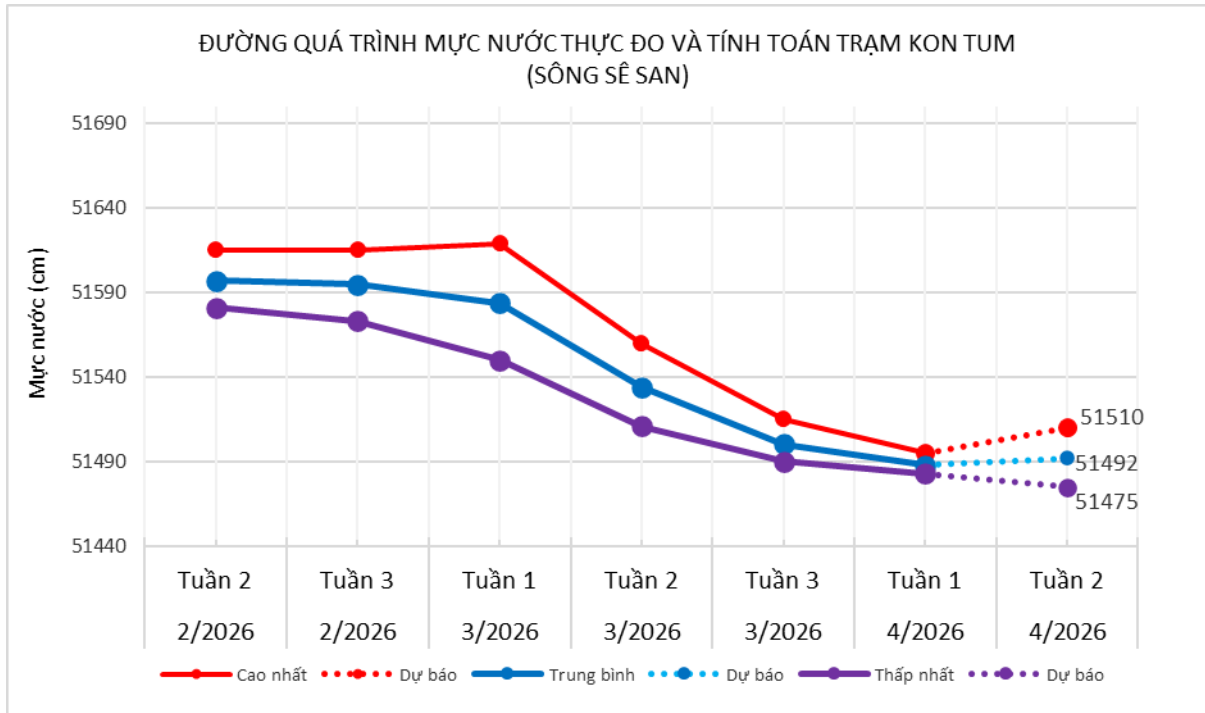
- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn biến đổi chậm theo xu thế xuống dần, mực nước các sông khác dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện và các công trình thủy lợi.

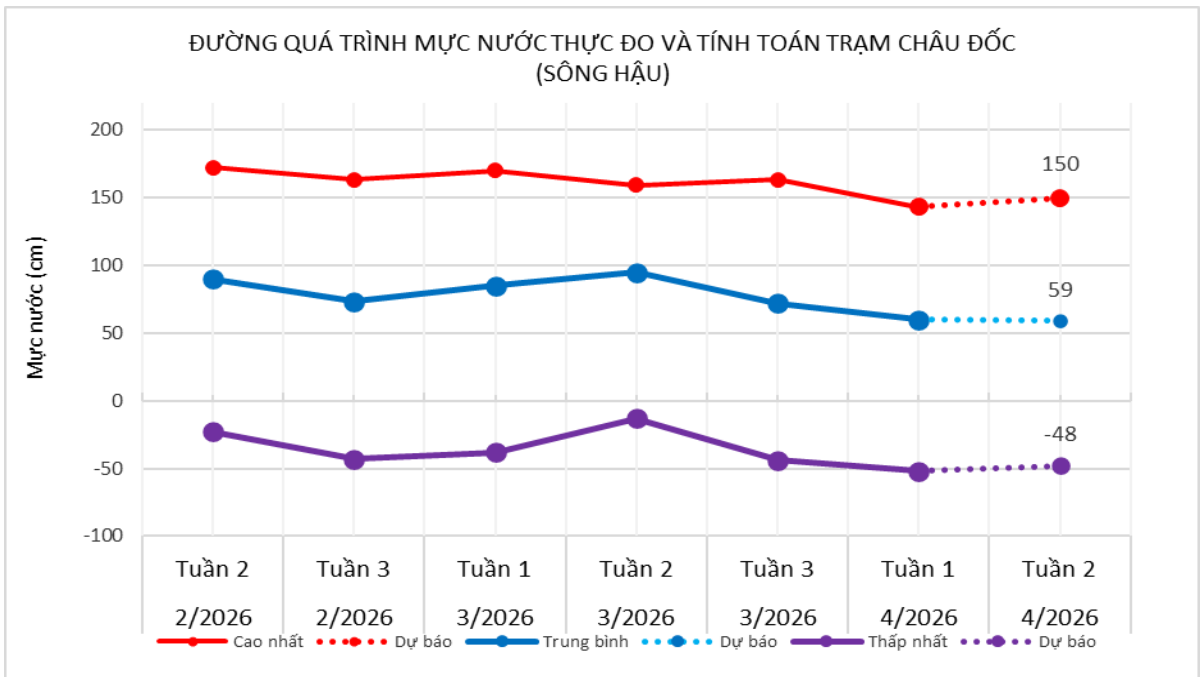
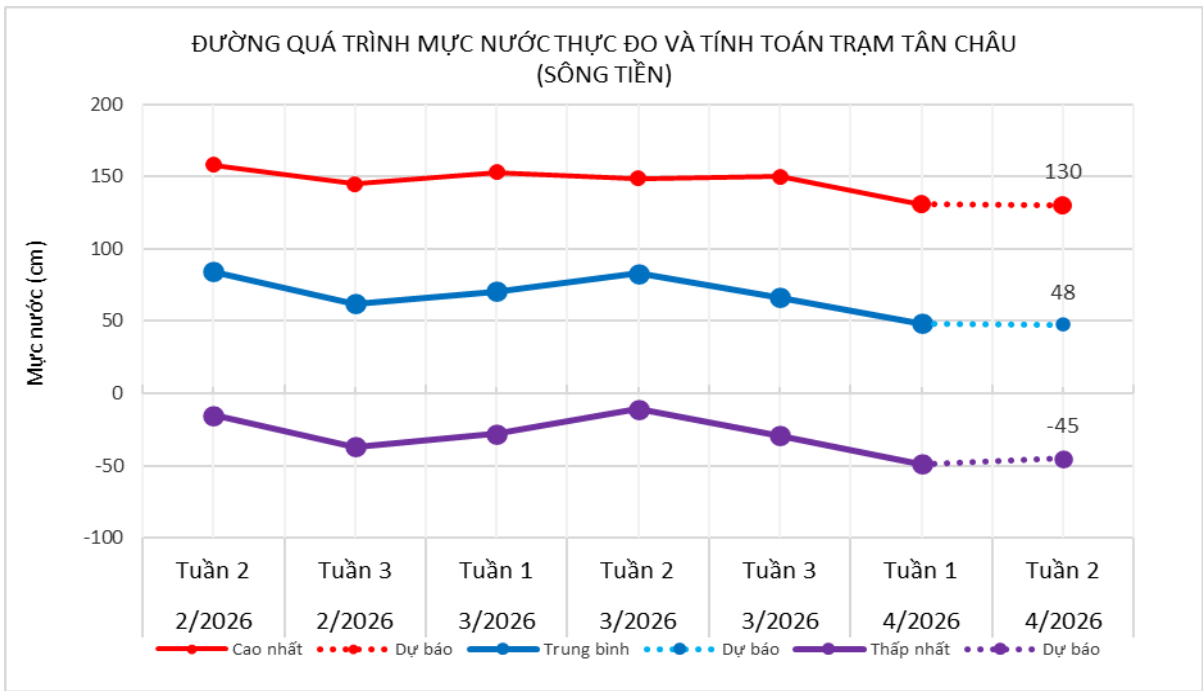
- Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo thủy triều. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 1,31m là (ngày 02/4), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 1,43m (ngày 02/4).

b. Dự báo, cảnh báo

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành hồ chứa thủy điện. Mức nước trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn biến đổi chậm.

- Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Trong 10 ngày tới, mực nước cao nhất tại Tân Châu ở mức 1,30m, tại Châu Đốc ở mức 1,50m. Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều.





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 21/04/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	1215	2802	40	968	2350	40	1080	2460	40	1024	2460	40
Thao	Yên Bái	2335	2398	2296	2340	2400	2280	2320	2380	2270	2330	2400	2270
Thao	Phú Thọ	1088	1159	1039	1080	1120	1040	1060	1100	1030	1070	1120	1030
Lô	Tuyên Quang	1270	1409	1109	1260	1420	1110	1280	1415	1120	1270	1420	1110
Lô	Vụ Quang	490	589	418	490	580	425	510	600	430	500	600	425
Cầu	Đáp Cầu	64	121	20	63	125	20	60	130	15	61.5	130	15
Thương	Phủ Lạng Thương	53	126	-2	52	125	1	50	130	-5	51	130	-5
Lục Nam	Lục Nam	43	127	-21	42	125	-10	40	130	-20	41	130	-20
Hồng	Hà Nội	124	182	72	115	175	70	125	185	80	120	185	70
Thái Bình	Phả Lại	53	136	-9	50	140	1	55	140	-10	52.5	140	-10
Mã	Giàng	38	147	-83	34	145	-65	36	155	-100	35	155	-100
Cả	Nam Đàn	30	122	-68	28	110	-65	30	125	-70	29	125	-70
La	Linh cảm	9	109	-106	10	100	-85	12	115	-110	11	115	-110
Gianh	Mai Hóa	11	92	-70	15	95	-75	20	110	-85	18	110	-85
Hương	Kim Long	47	54	39	52	65	42	50	60	38	51	65	38

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Thu Bồn	Câu Lâu	28	51	-35	30	65	-28	32	78	-40	31	78	-40
Trà Khúc	Trà Khúc	27	70	-16	32	68	-8	35	60	5	34	68	-8
Kôn	Thạnh Hòa	677	692	657	676	690	660	675	695	655	676	695	655
Đà Rằng	Phú Lâm	-23	30	-90	-12	30	-86	-16	40	-90	-14	40	-90
Đăkbla	Kon Tum	51488	51495	51483	51488	51505	51480	51495	51510	51475	51492	51510	51475
Krông Ana	Giang Sơn	41465	41473	41459	41462	41475	41455	41458	41470	41450	41460	41475	41450
Đồng Nai	Tà Lài	11059	11079	11029	11050	11075	11025	11045	11070	11025	11048	11075	11025
Bé	Phước Hòa	1892	1997	1774	1930	2030	1850	1890	2000	1820	1910	2030	1820
Tiền	Tân Châu	52	131	-49	45	102	-45	50	130	-25	48	130	-45
Hậu	Châu Đốc	61	143	-52	57	120	-48	60	150	-30	59	150	-48